

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 30-7-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Tấn Vũ;
- Ông Lê Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi về

việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở: Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M I, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoài Trinh.

Thư ký Tòa án: Ông Trương Công Bình.

2. Những người tham gia tố tụng tại điểm cầu thành phần Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ba Thành, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Ngọc T- chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N về việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Thế V- chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ba Tơ Quảng Ngãi (Theo Quyết định số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi về việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án); địa chỉ trụ sở: Số 266 đường P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người phiên dịch: Ông Phạm Văn X – Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hoá thể thao huyện Ba Tơ (phiên dịch tiếng Hre).

(Ông V, ông X có mặt, ông P, bà Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/12/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N ông Nguyễn Thế V trình bày:*

Vào ngày 26/10/2016 ông Phạm Văn P ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV201602006 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi vay số tiền 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng), mục đích vay: mua xe ô tô tải tự

đỗ, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải tự đỗ, nhãn hiệu: DONG SUNG, màu sơn: Xanh, dung tích: 4212, trọng tải hàng hóa: 7.000kg, số loại: DS700/TD, số máy: OD1009G00426, số khung: D120G44A0012, sản xuất năm: Năm 2016, BKS: 76C-088.67, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009947 do Công an Quảng Ngãi cấp ngày 25/10/2016 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 187 2016HĐTC ngày 26/10/2016. Ông P đã nhận số tiền vay nêu trên.

Từ ngày 26/10/2016 đến ngày 15/01/2021 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 80.000.000đồng, từ ngày 26/10/2016 đến ngày 25/10/2020 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 151.917.082đồng. Từ sau ngày 25/10/2020 ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng và từ sau ngày 15/01/2021 ông P cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Sau nhiều lần làm việc, ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ đã ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản, ký biên bản bàn giao tài sản và tự nguyện giao tài sản thế chấp xe ô tô BKS: 76C-088.67 nêu trên cho Ngân hàng N để thực hiện thủ tục bán đấu giá tài sản theo quy định. Tại thời điểm làm thủ tục bán đấu giá tài sản thì ông P, bà Đ còn nợ số tiền gốc là 320.000.000đồng.

Đến ngày 04/11/2022 xe ô tô BKS: 76C-088.67, nhãn hiệu: DONG SUNG đã được bán đấu giá với số tiền là 167.000.000đồng, sau khi trừ các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán đấu giá với số tiền 19.702.000đồng thì số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản là 147.298.000đồng và ngân hàng đã trừ số tiền này vào số tiền gốc ông P, bà Đ còn nợ. Sau khi bán đấu giá tài sản xong, ông P, bà Đ còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 172.702.000đồng và cho đến nay ông P, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Vào ngày 26/02/2019 ông Phạm Văn P tiếp tục ký sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201900249 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi vay số tiền 132.000.000đ (*Một trăm ba mươi hai triệu đồng*), mục đích vay: Nuôi trâu, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất vay: 7.5%/năm, lãi suất quá hạn: 11.25%/năm, vay không có tài sản bảo đảm. Việc ông P vay vốn tại Ngân hàng đã được bà Phạm Thị Đ ủy quyền và ông P đã nhận số tiền vay nêu trên.

Từ ngày 26/02/2019 đến ngày 12/5/2021 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 10.000.000đồng, từ ngày 26/02/2019 đến ngày 25/02/2021 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 19.513.254đồng. Từ sau ngày 25/02/2021 cho đến nay, ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng và từ sau ngày 12/5/2021 cho đến nay, ông P cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agirbank toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 của Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 số tiền: 291.851.098 đồng, trong đó: Nợ gốc là 172.702.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 119.149.098 đồng

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agirbank toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 của sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 số tiền: 164.819.041 đồng, trong đó: nợ gốc là 122.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.819.041 đồng.

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 và sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày thực tế ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ trả hết nợ gốc và lãi cho Agribank.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến nay ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ vẫn không có ý kiến gì. Do đó, Tòa án không có cơ sở để đánh giá ý kiến của ông P, bà Đ.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agirbank toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 của Hợp đồng

tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 số tiền: 291.851.098 đồng, trong đó: Nợ gốc là 172.702.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 119.149.098 đồng

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agirbank toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 30/7/2024 của sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 số tiền: 164.819.041đồng, trong đó: nợ gốc là 122.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.819.041 đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải tiếp tục trả lãi của Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 và sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 cho Ngân hàng N theo lãi suất trên số dư nợ gốc như quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 và sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 cho đến ngày trả hết nợ gốc.

Về án phí: Buộc đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn P có đăng ký thường trú tại thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; mặt khác nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn ông Phạm Văn P thống nhất giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi đóng trụ sở của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có căn cứ xác định: Ngày 26/10/2016 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi cho ông Phạm Văn P vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006, mục đích vay: mua xe ô tô tải tự đổ, thời hạn

vay: 60 tháng, lãi suất vay: 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Để đảm bảo cho khoản vay ông P có thể chấp 01 xe ô tô tải tự độ, nhãn hiệu: DONG SUNG, màu sơn: Xanh, dung tích: 4212, trọng tải hàng hóa: 7.000kg, số loại: DS700/TD, số máy: OD1009G00426, số khung: D120G44A0012, sản xuất năm: Năm 2016, BKS: 76C-088.67, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 009947 do Công an Quảng Ngãi cấp ngày 25/10/2016 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 187 2016HĐTC ngày 26/10/2016. Ngân hàng đã giải ngân cho ông P số tiền nêu trên, thể hiện tại phụ lục hợp đồng theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 26/10/2016 đến ngày 15/01/2021 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 80.000.000đồng, từ ngày 26/10/2016 đến ngày 25/10/2020 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 146.853.749đồng. Từ sau ngày 25/10/2020 ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng và từ sau ngày 15/01/2021 ông P cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng. Do không có khả năng trả nợ nên ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ đã tự nguyện giao tài sản thế chấp xe ô tô BKS: 76C-088.67 và ký biên bản bàn giao tài sản cho Ngân hàng N, đồng thời ký hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản cho Ngân hàng N để ngân hàng thực hiện thủ tục bán đấu giá tài sản theo quy định. Đến ngày 04/11/2022 xe ô tô BKS: 76C-088.67, nhãn hiệu: DONG SUNG đã được bán đấu giá, sau khi trừ các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán đấu giá thì số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản là 147.298.000đồng. Sau khi bán đấu giá tài sản xong và trừ đi số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản thì ông P, bà Đ còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 172.702.000đồng và cho đến nay ông P, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

[2.2] Ngày 26/02/2019 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện B, Quảng Ngãi tiếp tục cho ông Phạm Văn P vay số tiền 132.000.000đ (*Một trăm ba mươi hai triệu đồng*), thể hiện tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201900249, mục đích vay: Nuôi trâu, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất vay: 7.5%/năm, lãi suất quá hạn: 11.25%/năm, vay không có tài sản bảo đảm. Việc ông P vay vốn tại Ngân hàng đã được bà Phạm Thị Đ ủy quyền và Ngân hàng đã giải ngân cho ông P số tiền nêu trên, thể hiện tại chứng từ giao dịch ngày 26/02/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 26/02/2019 đến ngày 12/5/2021 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 10.000.000đồng, từ ngày 26/02/2019 đến ngày 25/02/2021 ông P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 19.513.254đồng. Từ sau ngày 25/02/2021 cho đến nay, ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng và từ sau ngày 12/5/2021 cho đến nay, ông P

cũng không thực hiện được việc thanh toán nợ gốc như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.3] Như vậy, đối với Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ông P còn nợ số tiền gốc: 172.702.000đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26/10/2020 đến ngày 30/7/2024 là 119.149.098đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2024 ông P còn nợ Ngân hàng N là 291.851.098đồng. Đối với sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201900249 ông P còn nợ số tiền gốc: 122.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 26/02/2021 đến ngày 30/7/2024 là, 42.819.041 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2024 ông P còn nợ Ngân hàng N là 164.819.041đồng.

[2.4] Về trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện:

Theo hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ngày 26/10/2016, sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509LAV201900249 ngày 26/02/2019 thì người đứng tên vay là ông P nhưng mục đích vay tiền của ông P đều sử dụng để phát triển kinh tế cho vợ chồng ông P, sau khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ ông P, bà Đ có cam kết sẽ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N; mặt khác bà Phạm Thị Đ có ủy quyền cho ông Phạm Văn P thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N, nên xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N là của ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N:

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 172.702.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/7/2024 là 119.149.098 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 122.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/7/2024 là 42.819.041 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 kể từ ngày 31/7/2024 cho đến ngày ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải chịu 20.000.000đồng+ (56.670.139đồng X 4%)= 22.266.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/7/2024 của Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 số tiền: 291.851.098 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu, tám trăm năm mươi một ngàn, không trăm chín mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc là 172.702.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 119.149.098 đồng.

- Buộc ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền gốc và lãi quá hạn tính đến hết ngày 30/7/2024 của sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 số tiền: 164.819.041 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười chín ngàn, không trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: nợ gốc là 122.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 42.819.041 đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải tiếp tục trả lãi của Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 và sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 cho Ngân hàng N theo lãi suất trên số dư nợ gốc như quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4509-LAV201602006 ký ngày 26/10/2016 và sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509-LAV201900249 ký ngày 26/02/2019 cho đến ngày trả hết nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng và sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 13.971.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm bảy mươi một ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000322 ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị Đ phải chịu số tiền 22.266.500đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/7/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan